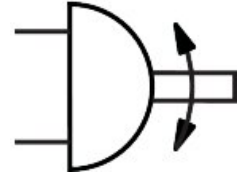


Bộ truyền động xoay DFPD-4500-RP-90-RD-F16

Số bộ phận: 8211839

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước bộ truyền động vị trí	4500
Mẫu khoan mặt bích	F16
Góc xoay	90 °
Vùng điều chỉnh vị trí cuối ở 0 °	-5 °...5 °
Phạm vi điều chỉnh của vị trí cuối ở góc lệch danh định	-5 °...5 °
Cổng nối trực độ sâu	50 mm
Tiêu chuẩn cổng nối van để nghiêng	ISO 5211
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Cấu trúc xây dựng	Thanh răng/bánh răng
Hướng đóng	đóng đúng
Cổng nối van tương ứng với tiêu chuẩn	VDI/VDE 3845 (NAMUR)
Vị trí kết nối cho bộ điều khiển vị trí và chỉ báo vị trí tương ứng với tiêu chuẩn	VDI/VDE 3845 cỡ AA 3
Chức năng an toàn	Chức năng an toàn là bộ truyền động chuyển sang vị trí chuyển mạch an toàn đã xác định. Chuyển động chuyển mạch này đạt được bằng cách thông khí nén vào buồng áp suất tương ứng. Giá trị của mô-men xoắn được tạo ra phụ thuộc vào sự chênh lệch áp suất giữa hai khoang áp suất được ngăn cách bởi piston.
Safety Integrity Level (SIL)	đến chế độ SIL 2 Low Demand lên đến SIL 3 trong một kiến trúc dự phòng
Được chứng nhận về chức năng an toàn theo ISO 13849 và IEC 61508 (SIL)	Sản phẩm có thể được sử dụng trong SRP/CS lên đến SIL 2 Low Demand lên đến SIL 3 trong một kiến trúc dự phòng
Áp suất nổ	15.72 bar
Áp suất vận hành	0.2 MPA...0.52 MPA 2 bar...5.2 bar 29 psi...75.4 psi
Áp suất làm việc danh nghĩa	0.524 MPA
Áp suất vận hành định mức	5.24 bar
định mức áp suất làm việc	75.98 psi
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB) EPL Gb (GB)

Đặc tính	Giá trị
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 1 (UKEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 21 (UKEX) Vùng 22 (ATEX)
Cơ quan cấp chứng chỉ	TÜV Rheinland 968/V 2959.00/2025
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIC T6 Gb
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIIC T85°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	-20°C ≤ Ta ≤ +80°C
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:3:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Điểm sương thấp hơn nhiệt độ môi trường và nhiệt độ trung bình ít nhất 10°C Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...60 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...80 °C
Mô-men xoắn ở áp suất làm việc danh nghĩa và góc xoay 0 °	3998.6 N m
Mô-men xoắn ở áp suất vận hành định mức và góc xoay 90°	3998.6 N m
Lưu ý về mô-men xoắn	Mô-men xoắn hoạt động của bộ truyền động không được cao hơn mô-men xoắn cực đại cho phép được liệt kê trong ISO 5211, dựa trên kích thước của mặt bích lắp và khớp nối.
Mức tiêu thụ không khí ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) mỗi chu kỳ 0 °-góc xoay danh định-0 °	404.6 l
trọng lượng sản phẩm	109000 g
kết nối trực	T46
Cổng nối khí nén	G1/2
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu tấm kết nối	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu phủ	Nhôm đúc áp lực, sơn
Vật liệu cửa phốt	NBR
Vật liệu vỏ	Nhôm, anốt hóa
Số vật liệu vỏ	EN AW-6005
Vật liệu pít tổng	Nhôm đúc áp lực
Vật liệu ổ trục	POM
Vật liệu vít	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu trục	Thép, mạ niken